

Số: 250/2022/QĐST-DS

Càng Long, ngày 09 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 13 và Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 01 tháng 12 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 504/2022/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2022.

Căn cứ vào đơn xin miễn giảm tiền đóng tiền án phí dân sự sơ thẩm ngày 01/12/2022, của bà Huỳnh Thị T do hoàn cảnh kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*” giữa:

- *Nguyên đơn:*

1/Bà Đặng Thị Ngọc Kiều, sinh năm 1983, địa chỉ: ấp G, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2/Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1980, địa chỉ: ấp G, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1966; địa chỉ: ấp G, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về số tiền phải trả:* Bà Đặng Thị Ngọc K, ông Nguyễn Văn D và bà Huỳnh Thị T thống nhất tự nguyện thỏa thuận như sau:

Bà Huỳnh Thị T tự nguyện trả cho bà Đặng Thị Ngọc K, ông Nguyễn Văn D số tiền 25.200.000 đồng (hai mươi lăm triệu hai trăm nghìn đồng) tiền hụi đối với dây hụi 2.000.000 đồng xác lập ngày 06/02/2017 âl (dây số 02).

- **Về thời gian trả:** Bà Đặng Thị Ngọc K, ông Nguyễn Văn D và bà Huỳnh Thị T tự nguyện thỏa thuận thời gian trả do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C giải quyết theo Luật Thi hành án dân sự.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Số tiền 630.000 đồng. Hai bên tự nguyện thỏa thuận: mỗi bên chịu 50% án phí, cho nên:

Bà Huỳnh Thị T phải chịu 315.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Do bà T có đơn xin miễn giảm tiền án phí do hoàn cảnh gia đình kinh tế khó khăn được Ủy ban nhân dân xã H xác nhận nên bà T được giảm 50 % án phí. Vì vậy, bà Huỳnh Thị T phải chịu 157.500 đồng

Bà Đặng Thị Ngọc K, ông Nguyễn Văn D phải chịu 315.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Kiều, ông Dân đã nộp là 630.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0012940 ngày 18/10/2022 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C thu. Bà Đặng Thị Ngọc K, ông Nguyễn Văn D được nhận lại số tiền chênh lệch là 315.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

ĐÃ KÝ

Huỳnh Sa Rên